

Bản án số: 43/2019/DS-PT

Ngày: 29-3-2019

V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất
và yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Anh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khánh Hùng

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **M** (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông M1 – Luật sư của Văn phòng luật sư M1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **N** (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông **Q** (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2018 – Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **P** (Vắng mặt)

2/ Ông Q (Có mặt)

3/ Bà O (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy của bà P: Ông Q (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2018).

** Người làm chứng:*

- Bà NLC (Có mặt)

- Ông NLC1 (Vắng mặt)

- Bà NLC2 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ ấp C, xã B, huyện A, Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà M trình bày: Ông S là cha kế của bà M, ông S chết ngày tháng bà không nhớ chính xác chỉ nhớ năm 2001, mẹ bà M là X (chết 2009) có làm di chúc để lại cho bà M phần đất ở nông thôn diện tích 891m², tờ bản đồ số 01, thửa 166, tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng do ông S đứng tên quyền sử dụng đất. Đầu năm 2014 do chồng bà bị bệnh nặng phải chuyển lên thành phố điều trị và bà phải ở lại để chăm sóc, đến khi bà về phát hiện ông N cất nhà lấn qua phần đất của bà với chiều ngang khoảng trên 03m, chiều dài 30m, bà có ngăn cản thì ông N cho rằng lúc mẹ bà còn sống có bán cho ông N phần đất ngang 1,5m dài không rõ nên bà làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Ngày 09/7/2014 tại biên bản hòa giải cơ sở ấp C, Hội đồng hòa giải yêu cầu ông N phải dừng thi công nhưng ông N cố tình xây cất tiếp. Ngày 28/11/2014 Hội đồng hòa giải xã B giải quyết buộc ông N trả đất lại cho bà M nhưng ông N không đồng ý. Việc bà P vợ ông N cho rằng cha mẹ của bà M lúc còn sống có sang phần đất cho bà P, ông N và có làm giấy tay, theo giấy tay Tòa án đưa cho bà M xem thì bà M không thừa nhận chữ ký của ông S, bà X trong tờ giấy tay nhưng không yêu cầu giám định, bà M cho rằng tiền sang đất là mẹ của bà đánh bài thua nên bà P kêu mẹ bà sang đất. Nay cha mẹ bà M đã chết nên bà M cũng đồng ý trả lại phần tiền sang đất cho phía ông N là 10.000.000đồng để lấy lại phần đất này. Về phần đất gia đình ông N lấn chiếm bà M yêu cầu phía ông N và bà P trả lại cho bà chiều ngang 2,6m, chiều dài lấy theo số đo thực tế Tòa án đã thẩm định.

Theo đơn phản tố ngày 06/5/2015 của bị đơn ông N và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông N là ông Q trình bày: Vào tháng 9/2001 âm lịch vợ chồng ông có sang của ông S và bà X một cái mương địa ngang 1,5m (tới ranh cây dừa), dài khoảng 100m (từ lộ ra giáp ruộng ông K) tại thửa đất 166 do ông S đứng tên quyền sử dụng đất, giá sang 2.000.000đồng, có ông NLC1 và bà NLC chứng kiến.

Đất của ông và bên gia đình bà X, ông S có mương ranh làm ranh và con mương này bà X, ông S sang cho ông, cây bên ông thì ông trồng, cây bên bà X thì bà X sử dụng, hàng dừa là bên gia đình bà M trồng. Ông không có lần đất bà M nên việc bà M yêu cầu ông trả đất là ông không thống nhất. Nay ông yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng bằng giấy tay năm 2001 chiều ngang khoảng 1,5m, dài khoảng 90m giữa ông với ông S, bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P trình bày: Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông N và bà cũng yêu cầu là trong trường hợp Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng phần con mương giữa vợ chồng bà và ông S, Khanh là vô hiệu thì bà không yêu cầu bồi thường thiệt hại chỉ yêu cầu trả lại giá trị đất theo giá thị trường cho bà. Tại phiên tòa hôm nay bà cũng đồng ý trả lại phần đất con mương cho bà M và bà M trả lại giá trị đất cho vợ chồng bà tính theo giá thị trường, còn bà M yêu cầu dỡ nhà trả phần đất cho rằng bà lần bà không thống nhất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Q trình bày: Năm 2015 ông có đứng ra sang phần đất của bà T và bà R ngang 20m, dài trừ mí lộ còn 77m giá thỏa thuận là 6.500.000đồng/m ngang nhưng do có địa nên tính hết luôn là 130.000.000đồng đã có bằng khoán rồi, khi sang và đo đạc làm bằng khoán có bà M chứng kiến. Ông sang phần đất này ngang 20m nhưng thực tế sử dụng có 18m do bà T và bà R sang lại cho bà M 02m rồi đưa tiền lại cho ông Q. Phần đất ông Q sang thì ranh vẫn còn, do anh làm hàng rào xung quanh nên không có việc dời cọc ranh như bà M trình bày.

Phần hàng rào là bên gia đình ông làm bên đất của gia đình ông có mương ranh không có lần qua bên đất của bà M, cũng không có việc chính quyền địa phương đến lập biên bản ngăn cản không cho gia đình ông xây dựng theo ý kiến trình bày của bà M, riêng phần con mương bà M nói để lại cho bà M là của ông S, ông đứng ra sang của ông S, bà X. Bà M hưởng di chúc lúc ông S, bà X đau bệnh không ai lo nên qua bên gia đình ông Q năn nỉ sang phần con mương để lấy tiền trị bệnh. Lúc ông S, bà X còn sống con mương này gia đình ông đã sang lấp thành đất liền như bây giờ ông ở chung với cha mẹ ông và có cất nhà sử dụng phần đất này nên theo yêu cầu của bà M ông không đồng ý yêu cầu dỡ nhà trả đất của bà M. Yêu cầu công nhận phần đất con mương cha mẹ ông đã chuyển nhượng của ông S, bà X, hiện nay con mương này vẫn còn để trống nếu bà M muốn lấy đất lại thì trả tiền cho gia đình ông Q 10.000.000đồng thì bên ông Q giao lại phần đất con mương lại cho bà M.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm 69/2018/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2018 đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 228, 229, Điều 271, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1, 2 Điều 50, Điều 107, 136 Luật đất đai năm 2003; Áp dụng khoản 3, 5 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

*** Tuyên xử:**

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của bà M đối với ông N, bà P

2/ Ghi nhận sự tự nguyện giữa bà M và ông N, bà P về việc yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển nhượng ngày 07/9/2001 (âl) giữa ông N và ông S, bà X là vô hiệu.

Bà M có trách nhiệm trả cho bà P và ông N số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Bà P và ông N trả lại cho bà M diện tích đất 152,8m² thuộc thửa 166 tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng do hộ S đứng tên phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp lộ H có số đo 02m
- Hướng Tây giáp phần đất còn lại không tranh chấp có số đo 02m
- Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp còn lại có số đo 77m
- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại thửa 166 có số đo 77,1m.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc đất thực tế ngày 21/7/2017)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá và đo đạc, chi phí giám định và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2018, nguyên đơn bà M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; bị đơn không rút lại đơn phản tố; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng nguyên đơn là chủ sử dụng hợp pháp của phần đất có diện tích 891m² thuộc thửa đất 166, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, nguồn gốc đất do ông S, bà X di chúc để lại cho bà M. Phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi điều chỉnh thì diện tích còn lại là 891m² nhưng hiện nay bị đơn lấn chiếm một phần nên không còn đủ diện tích đã được cấp. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại phần đất có chiều ngang 2,6m, chiều dài theo kết quả thẩm định của Tòa án để đủ diện tích theo Giấy chứng nhận được cấp, yêu cầu này là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn bà M là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự gồm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà O, người làm chứng ông NLC1, bà NLC2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm bà M và ông N, bà P tự nguyện thỏa thuận về việc yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển nhượng ngày 07/9/2001 (âl) giữa ông N và ông S, bà X là vô hiệu. Bà M có trách nhiệm trả cho bà P và ông N số tiền 10.000.000đồng. Bà P và ông N trả lại cho bà M con mương diện tích 152,8m² thuộc thửa 166 tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng do hộ S đứng tên theo sơ đồ đo đạc đất thực tế ngày 21/7/2017. Thấy rằng việc thỏa thuận này là sự tự nguyện của các bên và không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà M về việc yêu cầu bị đơn trả phần đất lấn chiếm thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án bà M cho rằng bà là chủ sử dụng hợp pháp của phần đất có diện tích 891m² thuộc thửa đất 166, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, nguồn gốc đất là do ông S, bà X di chúc để lại cho bà M, quá trình sử dụng do hoàn cảnh gia đình chồng bà M bị bệnh nên thường ở Sài Gòn để nuôi bệnh, khi bà M không có ở nhà thì phía bị đơn là ông N cất nhà lấn sang phần đất của bà M, khi phát hiện bà có yêu cầu địa phương giải quyết, địa phương áp có mời hòa giải thì ông N có hứa khi nào đất đó của bà M thì ông N phải dỡ phần nhà trả đất cho bà M, theo đo đạc thì đất bà M còn thiếu nên yêu cầu phía vợ chồng ông N phải trả lại phần đất cho bà M diện tích theo đo đạc thực tế của Tòa án nhưng phía bị đơn ông N cho rằng không có lấn chiếm đất của bà M vì đất của ông N và bên gia đình bà X, ông S (cha mẹ bà M) có con mương làm ranh và hàng dừa là bên gia đình bà M trông. Vào tháng 9/2001 âm lịch vợ chồng ông N có sang nhượng lại con mương của ông S và bà X ngang 1,5 m (tới ranh cây dừa), dài khoảng 100 m (từ lộ ra giáp ruộng ông K) thuộc thửa 166 do ông S đứng tên, giá sang nhượng là 2.000.000đồng. Việc sang nhượng có ông NLC1 và bà NLC chứng kiến. Do đó bị đơn không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn. Thấy rằng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà M thừa nhận phần đất của bà M và phần đất của ông N có con mương là mương ranh giữa hai gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định lời thừa nhận của nguyên đơn là sự thật không cần phải chứng minh. Đồng thời lời thừa nhận của bà M cũng phù hợp với lời trình bày của ông N là hiện nay con nương vẫn còn, do đó bà M cho rằng gia đình ông N lấn của bà phần đất giáp hướng nam của con nương là không có căn cứ và cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà M là có căn cứ. Do đó kháng cáo của bà M là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chưa tuyên về vị trí, tứ cận, diện tích đất và có nhầm lẫn trong việc tính số tiền hoàn trả cho đương sự. Do vậy cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên án cho đúng với quy định pháp luật.

[4] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà M, đồng thời căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên nguyên đơn bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng bà M được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm do thuộc đối tượng “người cao tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà M.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:
 - Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 228, 229, Điều 271, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
 - Căn cứ khoản 1, 2 Điều 50, Điều 107, 136 Luật đất đai năm 2003;
 - Căn cứ khoản 3, 5 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

*** Tuyên xử:**

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của bà M đối với ông N, bà P đối với phần đất có diện tích 168,5m² tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp lộ đal có số đo 2,6m.

- Hướng Tây giáp phần đất còn lại không tranh chấp có số đo 0m.
- Hướng Nam giáp thửa 167, 168 có số đo 19m + 8,7m + 49,27m + 15,34m.
- Hướng Bắc giáp phần con mương của thửa 166 có số đo 77m.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc đất thực tế ngày 21/7/2017)

2/ Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng ngày 07/9/2001 (âl) giữa ông N và ông S, bà X là vô hiệu.

Bà M có trách nhiệm trả cho bà P và ông N số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Bà P và ông N trả lại cho bà M diện tích đất 152,8m² thuộc thửa 166 tờ bản đồ số 1 tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng do hộ S đứng tên phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp lộ H có số đo 02mét
- Hướng Tây giáp phần đất còn lại không tranh chấp có số đo 02mét
- Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp còn lại có số đo 77mét
- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại thửa 166 có số đo 77,1mét.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc đất thực tế ngày 21/7/2017)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà P, ông N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà M còn phải trả lãi cho bà P, ông N theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà M, ông N được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà M được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 505.000đồng theo biên lai thu số 006065 ngày 27/4/2015 và biên lai thu số 004609 ngày 29/1/2014 nhận tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

[4] Chi phí thẩm định, định giá là 2.359.000đồng, bà M chịu 1.179.500đồng; ông N và bà P chịu 1.179.500đồng. Do bà M đã nộp tạm ứng số tiền 2.500.000 đồng, bà P và ông N đã nộp tạm ứng số tiền 1.000.000 đồng nên sau khi khấu trừ thì hoàn trả cho bà M số tiền 1.141.000đồng, ông N và bà P có trách nhiệm trả cho bà M số tiền số tiền là 179.500đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà M được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng(1);
- TAND huyện A(1);
- Chi cục THADS huyện A(1);
- Các đương sự(6);
- Lưu HS-TDS(2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Hoàng Anh